

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2019/DS - PT
Ngày: 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiện

Ông Trần Văn Quán

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 332/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1962. (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019).

Địa chỉ: Số 28, Đường N, khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đặng Minh B, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số nhà 223, ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Đặng Minh B - Bị đơn.

(Ông Đ, bà D và ông B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ do bà Nguyễn Thị Bích D đại diện trình bày:

Ông Đ và ông B có quen biết nhau nên ông Đ có cho ông B vay tiền nhiều lần, mỗi lần vài chục triệu không nhớ cụ thể, lúc giao nhận tiền hai bên không làm giấy tờ nhưng sau đó đã thống nhất gút lại số nợ và phương thức trả nợ nên ông Đ đã làm giấy xác nhận mượn tiền để yêu cầu ông B ký tên, khi đó có ông Trần Trọng K chứng kiến và cùng ký tên vào giấy cho mượn tiền. Ông Đ khẳng định nội dung trong tờ giấy cho mượn tiền là hoàn toàn chính xác với nội dung mà hai bên đã thỏa thuận trên thực tế. Cụ thể: ngày 29/02/2018 (dương lịch) ông Đ đã viết giấy cho mượn tiền có nội dung ông Đ cho ông B vay số tiền 115.000.000 đồng, thỏa thuận trong vòng 01 năm sẽ trả, mỗi tháng trả lãi 3.000.000 đồng, nếu ông Đ bán được đất hoặc có tiền sẽ thanh toán 1 lần. Giấy cho mượn tiền này chỉ có 01 bản và do ông Đ giữ vì ông Đ là người cho mượn. Sau đó ông B không trả khoản tiền nào cho ông Đ, hết hạn thanh toán ông Đ yêu cầu ông B thanh toán nợ nhưng ông B không thực hiện nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền gốc là 115.000.000 đồng, tiền lãi từ khi cho vay đến ngày khởi kiện là 12.937.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khi thỏa thuận vay tiền ông B có hứa nếu bán đất hoặc có tiền sẽ thanh toán một lần tuy nhiên đến nay ông Đ vẫn không có thông tin gì về việc ông B bán đất hay có tiền, theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền đã hết thời hạn thỏa thuận trả nợ nên ông Đ khởi kiện.

Bị đơn ông Đặng Minh B trình bày:

Ông và ông Đ quen biết và thân thiết với nhau nên khi ông Đ nói với ông có ai cần tiền thì nói ông Đ cho vay, lúc đó ông có chỉ bà thím của ông để ông Đ cho vay tiền. Khi đó ông trực tiếp nhận tiền của ông Đ rồi đưa lại cho bà thím của ông. Ông Đ có đưa cho ông nhiều lần, mỗi lần vài chục triệu, tổng cộng là 130.000.000 đồng để ông đưa cho bà thím ông vay nhưng sau đó bà thím bỏ đi nên ông Đ mới tìm ông đòi nợ. Khi đó ông Đ có hứa cho ông chạy xăng cho ông Đ thì ông Đ đồng ý cho ông trả dần số nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng, lúc đó ông đồng ý và trả được 15.000.000 đồng, còn lại 115.000.000 đồng thì ông Đ làm giấy nợ và yêu cầu ông ký tên vào làm tin. Khi ông Đ đưa giấy cho mượn tiền cho ông ký tên có mặt ông Trần Trọng K chứng kiến. Khi đó ông Đ có nói nội dung ghi trong giấy nợ đúng như ông Đ và ông đã thỏa thuận nên ông không có đọc lại nội dung trong giấy cho mượn tiền, cụ thể là ông thừa nhận có nợ ông Đ 115.000.000 đồng và thỏa thuận trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, nếu ông bán đất hoặc có tiền ông sẽ trả 1 lần, ông Đ và ông cùng yêu cầu ông K ký tên vào giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng. Giấy này chỉ có 1 bản do ông Đ giữ. Thời gian ông ký tên vào giấy cho mượn tiền ông không nhớ chính xác ngày nhưng vào khoảng cuối năm 2018 chứ không phải ngày 29/02/2018. Sau khi ký tên vào giấy cho mượn tiền ông Đ lại yêu cầu ông trả hết nợ 1 lần nên hai bên mâu thuẫn, đến nay ông chưa trả cho ông Đ khoản tiền nào. Hiện tại ông không còn chạy xăng cho ông Đ nên không có thu nhập, ông đồng ý trả số tiền gốc 115.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi vì khi cho mượn không

tính lãi và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng bắt đầu từ tháng 7/2019 đến khi hết số nợ 115.000.000 đồng. Ông thừa nhận có hứa nếu bán được đất sẽ trả hết tiền cho ông Đ nhưng hiện tại ông không có bán đất và không có tiền trả cho ông Đ 1 lần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức quyết định:

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ đối với ông Đặng Minh B về việc tranh chấp hợp đồng vay.

Buộc ông Đặng Minh B trả cho ông Nguyễn Tấn Đ số tiền nợ vay 23.600.000 đồng (*hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng*) (là khoản tiền ông B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 23/8/2019).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/9/2019, bị đơn ông Đặng Minh B kháng cáo bản án sơ thẩm, xin được trả dần số tiền 23.600.000 đồng theo phương thức trả mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm buộc ông B trả cho ông Đ 23.600.000 đồng theo thỏa thuận trả dần là có cơ sở nhưng lại nhận định không chấp nhận khoản tiền gốc vay còn lại và buộc nguyên đơn chịu án phí là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đặng Minh B yêu cầu được trả dần số tiền 23.600.000 đồng theo phương thức trả mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ đối với ông Đặng Minh B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Đặng Minh B trả cho ông Nguyễn Tấn Đ số tiền nợ vay đến hạn là 23.600.000 đồng, là khoản tiền ông B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 23/8/2019 và không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về phần yêu cầu tính lãi. Nhưng các đương sự không có kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Ông Đặng Minh B yêu cầu được trả dần số tiền 23.600.000 đồng theo phương thức trả mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông Đ đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông B.

[1.3] Ông B kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào khác so với án sơ thẩm nên kháng cáo của ông B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tuy nhiên, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông B trả tiền gốc vay là 115.000.000 đồng và tiền lãi từ khi cho vay đến ngày khởi kiện là 12.937.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông B trả cho ông Đ số tiền gốc vay đến hạn là 23.600.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu tính lãi trong khoản thời gian từ ngày 29/12/2018 đến ngày 23/8/2019 là 6.756.250 đồng ($115.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} \times 25 \text{ ngày} \times 0,75\%/\text{tháng}$). Như vậy, phần tiền gốc chưa đến hạn phải trả còn lại là 91.400.000 đồng và tiền lãi 6.180.750 đồng. Đây là khoản tiền gốc và lãi mà ông Đ yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019, thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu này theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự mới đúng quy định của pháp luật. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định không chấp nhận đối với phần yêu cầu này của ông Đ và buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Theo bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Đ nên ông Đ chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền lãi không được chấp nhận trong khoản thời gian từ ngày 29/12/2018 đến ngày 23/8/2019 mới đúng. Do đó, cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần này và phần án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Đặng Minh B phải chịu 1.180.000 đồng; ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 338.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa bản án sơ thẩm không có liên quan đến kháng cáo nên ông Đặng Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Minh B là có căn cứ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh B;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức;

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ đối với ông Đặng Minh B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đặng Minh B trả cho ông Nguyễn Tấn Đ số tiền nợ vay 23.600.000 đồng (*hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng*), là khoản tiền gốc vay ông B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 23/8/2019.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với phần ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu ông Đặng Minh B trả số tiền gốc vay còn lại là 91.400.000 đồng và tiền lãi 6.180.750 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Minh B phải chịu 1.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 338.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 3.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001269 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức để thi hành án phí, hoàn trả ông Đ 2.787.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001620 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức sang thi hành án phí.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu